



GIỚI THIỆU ÂM NHẠC CUNG ĐÌNH CÁC TRIỀU ĐẠI VIỆT NAM

GS.TSKH Tô Ngọc Thanh *

Mặc dầu trên thực tế, chúng ta còn quá ít tư liệu thư tịch và khảo cổ nhưng trong tham luận này, chúng tôi cố gắng tập hợp hầu hết những tư liệu có thể có để mô tả một cách tóm tắt diễn trình âm nhạc cung đình của các triều đại Việt Nam.

1. Triều đại nhà Đinh và Tiền Lê (968 - 1009)

Năm 968, thủ lĩnh Đinh Bộ Lĩnh dẹp tan 12 sứ quân và lập nên nhà Đinh. Hiện chỉ còn một tư liệu nói rằng vua Đinh đã “phong chức Ưu bà cho bà Phạm Thị Trân để bà dạy Chèo trong quân đội”¹. Ngày nay chúng ta không làm sao biết được liệu Chèo thời đó với Chèo bây giờ có gì liên hệ với nhau không.

Năm 980 vương quyền chuyển sang tay Thập đạo tướng quân Lê Hoàn và triều đại Tiền Lê được thành lập. Sử liệu cho biết, khi tiếp sứ nhà Tống, Lê Hoàn cho duyệt binh. Trong duyệt binh có đánh trống đồng. Ngoài ra sử còn phê phán Lê Long Đĩnh “Ông ta mỗi ngày chỉ mãi ăn uống, nghe âm nhạc và xem múa hát mà không chịu chăm lo việc triều đình”².

2. Triều đại nhà Lý (1010 - 1224)

Nhà Lý đã mở ra một kỷ nguyên độc lập lâu dài cho Việt Nam. Trong suốt 215 năm, triều đại nhà Lý đã xây dựng Việt Nam thành một quốc gia phong kiến tập quyền. Vua Lý đầu tiên đã chuyển kinh đô từ Hoa Lư (thuộc tỉnh Ninh Bình ngày nay) ra Hà Nội và đặt tên là Thăng Long, tên nước là Đại Việt. Đạo Phật được truyền bá vào Việt Nam từ đầu CN, và đã trở thành quốc giáo.

* Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam.

Vào thời kỳ này, ở phía Nam Đại Việt có một vương quốc bao gồm những vương quốc nhỏ theo Bà La Môn giáo, có tên chung là Champa. Quân đội Champa đã nhiều lần xâm lấn Giao Chi, Đại Việt, thậm chí tiến ra tàn phá Thăng Long. Các vua triều Lý (1010 - 1225), Trần (1225 - 1400) đã nhiều lần tổ chức kháng chiến và đánh đuổi quân xâm lược đến tận đất nước của chúng. Trong những lần chiến thắng ấy, các vua Lý – Trần đã bắt tù binh là họ hàng quý tộc của vua Champa và các nhạc công, vũ nữ của họ. Đó là điều kiện để âm nhạc Champa có ảnh hưởng đến âm nhạc cung đình Việt Nam, nhất là ở âm nhạc cung đình triều đại Lý.

Tuy nhiên, có quá ít tư liệu biên niên sử về âm nhạc cung đình triều đại Lý. Một vài đoạn sử cho biết cung đình thời Lý cũng đã có đội múa hát. Những buổi vua Lý đi du ngoạn trên sông cũng có những cung nữ múa hát trên thuyền.

Cuốn *Việt sử lược* (khuyết danh) cho biết vị vua thứ ba triều đại Lý là Lý Thánh Tông (ở ngôi 1054 - 1072) “tự phiên nhạc khúc... rồi sai nhạc công ca hát”³. Vị vua thứ hai triều đại này là Lý Thái Tông (ở ngôi 1028 - 1054) đã đánh thắng Champa và “bắt các cung nữ giỏi nghề ca múa khúc Tây Thiên đem về”⁴ (Tây Thiên tức Ấn Độ). Điều này cho thấy âm nhạc cung đình Champa đã có ảnh hưởng thế nào đến âm nhạc cung đình nhà Lý. Vua Lý Cao Tông (ở ngôi 1176 - 1210) đã “sai nhạc công đặt ra khúc nhạc gọi là Chiêm Thành âm. Khúc nhạc này giọng điệu sầu oán đau thương, ai nghe cũng phải khóc”⁵. Lúc đó nhà sư của triều đình là Nguyễn Thường đã phải than thở rằng: “Âm nhạc của nước loạn thì ai oán giận hờn... (Nay nhạc cung đình ta) ai oán, làm não lòng người, đó là triệu chứng diệt vong (của đất nước và triều đại)”⁶.

Theo chỉ dẫn của GS. Trần Văn Khê trong cuốn *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*, chúng tôi đã khảo sát lại những hình khắc trên bệ đá vuông ở chùa Vạn Phúc, làng Phật Tích, tỉnh Bắc Ninh. Di vật này được chế tạo dưới thời Lý (khoảng thế kỷ X và XI). Chúng tôi đồng ý với GS. Trần rằng tính từ trái sang phải, có các nhạc cụ sau đây:

- 1) Cái phách;
- 2) Cái hồ gáo;
- 3) Cái sáo ngang;
- 4) Đàn cầm.

5 và 6) GS Trần cho đây là cái khèn nhưng ông e ngại không hiểu có đúng vậy không vì vật này để ở cách xa miệng của nhạc công. Chúng tôi cho rằng đây là loại nhạc cụ hơi mà nhạc công chúm môi đưa một luồng hơi vào ống như nguyên tắc của nhạc cụ Đinh Đúc của người Bana vùng Tây Nguyên⁷.

- 7) Đàn tỳ bà;
- 8) Cái tiêu hoặc sáo nõ thổi dọc;

9) Đàn nguyệt ba dây;

10) Trống thất eo với một tay vỗ, một tay có dùi gõ.

Nếu nhạc cụ thứ 5 và thứ 6 là cái khèn thì theo GS. Trần Văn Khê: “Đàn nhạc này rất gần với đàn nhạc vẽ trên tường của động Đôn Hoàng”⁸. Trong cuốn sách nói trên, GS. TS. Trần lại cho rằng “nó (đàn nhạc) cho ta nghĩ đến một ảnh hưởng chia sẻ của âm nhạc Ấn Độ với Trung Hoa trong âm nhạc Việt Nam với một nét trội của âm nhạc Ấn Độ”⁹. Và ông kết luận rằng: “Đàn nhạc này có thể là âm nhạc cung đình triều đại nhà Lý”¹⁰.

3. Triều đại nhà Trần (1225 - 1400)

Với Phật giáo phát triển và việc bắt đầu áp dụng Khổng thuyết, nhà Trần đã xây dựng Đại Việt thành một quốc gia hùng mạnh, đã ba lần chiến thắng quân xâm lược Mông - Nguyên. Trong cung đình nhà Trần đã có hai loại đàn nhạc:

- *Đàn Đại nhạc* gồm các nhạc cụ:

- 1) Cái tất lật – một dạng kèn dăm kép;
- 2) Cái tiểu quản – một dạng kèn dăm đơn nhỏ;
- 3) Hai nhạc cụ gõ;
- 4) Cái tiểu bặt – một dạng chũm chọe đơn;
- 5) Cái phạn cổ - tức trống cơm;
- 6) Một nhạc cụ không rõ là gì.

Đàn Đại nhạc dùng trong nghi lễ. Vua và quý tộc cũng chỉ được sử dụng trong những dịp trọng đại.

- *Đàn Tiểu nhạc* gồm các nhạc cụ:

+ Sáu nhạc cụ dây:

- 1) Đàn hồ gáo;
- 2) Đàn tranh 7 dây;
- 3) Đàn thất huyền: một loại đàn tranh 7 dây khác;
- 4) Đàn tranh 13, 14, 15 dây;
- 5) Đàn tam;
- 6) Đàn tỳ bà.

+ Ba nhạc cụ hơi:

- 1) Cái tất lật – Kkèn dăm kép có ba lỗ;

2) Cái địch – sáo ngang;

3) Cái tiêu.

+ Ba nhạc cụ gõ:

1) Cái trống cơm;

2) Cái phách;

3) Tiểu bập – chũm chọe đơn.

Một lần nữa cho thấy sự ảnh hưởng chia sẻ của âm nhạc Ấn Độ và Trung Hoa với nét trội của âm nhạc Trung Hoa. “Kẻ giàu hay người nghèo đều có thể sử dụng Tiểu nhạc”¹¹.

Việc phân biệt chức năng và đối tượng sử dụng của hai loại Đại nhạc và Tiểu nhạc cho thấy âm nhạc cung đình đời Trần đã bắt đầu có thể chế nhất định. Tuy nhiên sử còn cho biết, trong yến tiệc cung đình, vua quan cùng dang tay hát. Lại còn sai người “đội mo nang cầm dùi (có thể là hai biểu tượng của phần thực) làm tử lệnh”¹². Điều này cho thấy vua chúa nhà Trần không từ chối những cách hoạt động ca múa dân gian và âm nhạc cung đình chưa tách hẳn khỏi truyền thống dân gian. Sử còn ghi rằng trong cung đình nhà Trần có những bài ca mà rất tiếc đến nay chỉ còn một số tên bài¹³:

1) Nam thiên lạc (Niềm vui dưới trời Nam);

2) Ngọc lâu xuân (Xuân trên lầu ngọc);

3) Đạp thanh du (Đạo chơi trên cỏ xanh);

4) Mộng du tiên (Nằm mộng đi chơi cõi tiên);

5) Canh lậu trường (Những giọt đồng hồ cát).

Không tìm được tư liệu nói về múa cung đình thời kỳ này. Tuy nhiên, trong quân đội vẫn dùng trống đồng. Trong sách *Kiến văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn viết: “Trần Cương Trung người đời nhà Nguyên sang sứ nước ta vào đời vua Trần Nhân Tông (1279 - 1293) có câu trong bài *Sứ hoàn cảm sự*, chép trong quyển *Sứ Giao châu tập*, nói về trống đồng:

Kim qua ảnh lý đàn tâm khổ

Đồng cổ thanh trung bạch phát sinh

Dịch nghĩa:

Trong bóng giáo mác lòng đau khổ

Nghe tiếng trống đồng bạc trắng cả đầu”¹⁴

4. Triều đại nhà Hồ (1400 - 1414)

Mặc dù thời gian trị vì của nhà Hồ rất ngắn, nhưng trong cung đã có Nhã nhạc. Theo Ngô Sĩ Liên, năm Thiệu Thành thứ hai đời Hồ Hán Thương (1402), vua đã “đặt Nhã nhạc. Lấy các con quan văn làm kinh vĩ lang, các con quan võ làm chinh đồn lang, tập điệu múa văn - võ”¹⁵. Đây là lần đầu tiên tên gọi Nhã nhạc xuất hiện ở Việt Nam. Điều đáng tiếc là không có một tư liệu nào khác nữa để hiểu thêm về Nhã nhạc thời nhà Hồ ra sao. Tuy nhiên, có thể thấy Nhã nhạc có đi với múa và các điệu múa cũng *phân ra thành múa văn và múa võ*. Ngoài ra, nếu thử suy đoán trên các “vai múa”, có thể thấy các con quan văn xếp theo chiều dọc và chiều ngang (kinh – vĩ), tựa như đội hình khung, thể hiện vũ trụ quan. Các con quan võ thì đóng vai điểm xuyết, bổ sung (chinh đồn) tựa như thể hiện thế giới quan. *Đội hình kinh - vĩ thì tĩnh, đội hình chinh đồn thì động*.

5. Triều đại nhà Lê (Lê sơ và Lê Trung hưng) (1427 - 1788)

Mặc dầu được xây dựng từ thời nhà Hồ, nhưng với tư cách một điển chế âm nhạc cung đình, Nhã nhạc phải chờ đến triều đại nhà Lê. Năm 1437, vua Lê Thái Tông (1434 - 1442) đã giao cho Nguyễn Trãi và Lương Đăng “làm nhạc cụ, dạy tập nhạc múa”. Nguyễn Trãi đã từ chối và tâu rằng: “Hoà bình là gốc của nhạc. Thanh âm là văn của nhạc. Thần vâng chiếu soạn nhạc, không dám không dốc hết tâm sức. Nhưng vì học thuật nông cạn, sợ rằng trong khoảng thanh luật khó được hài hoà”¹⁶ và dâng bản vẽ khánh đá. Vua đã tiếp nhận và sai thợ làm khánh đá đó¹⁷. Vì thế, nhạc cung đình nhà Lê đều do viên quan hoạn Lương Đăng “phỏng theo quy chế nhà Minh mà làm”¹⁸.

Về các thể loại, theo Lương Đăng có “nhạc tế Giao, nhạc tế Miếu, nhạc tế Ngũ tự, nhạc cứu khi có nhật thực, nguyệt thực, nhạc Đại triều, nhạc Thường triều, nhạc cử tấu khi đại yến, nhạc dùng trong cung...”¹⁹.

Có hai dàn nhạc là:

- Dàn “Nhạc chơi trên thềm” (Đường thượng chi nhạc) gồm các nhạc cụ:

- 1) Trống treo lớn (Huyền đại cô);
- 2) Khánh chùm (biên khánh);
- 3) Chuông chùm (biên chung);
- 4) Đàn cầm;
- 5) Đàn sắt;
- 6) Khèn;
- 7) Tiêu;
- 8) Quán;
- 9) Thược;

- 10) Trì;
- 11) Huân;
- 12) Chúc;
- 13) Ngũ.

• *Dàn “Nhạc chơi dưới thềm” (Đường hạ chi nhạc), gồm các nhạc cụ:*

- 1) Phương hưởng treo (Huyền phương hưởng);
- 2) Không hầu (một loại đàn hóp);
- 3) Khèn;
- 4) Tỳ bà;
- 5) Trống quân cổ;
- 6) Quản địch (nhạc cụ hơi)²⁰.

Sách *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hồ (1768 - 1839) cho biết: "Khoảng năm Hồng Đức (1470 - 1497) nhà Lê... các quan đại thần là các ông Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Lương Thế Vinh... mới kê cứu âm nhạc Trung Hoa hiệp vào quốc âm ta, đặt ra hai bộ Đồng văn và Nhã nhạc"²¹.

Tác giả không cho biết gì thêm về hai bộ này. Tuy nhiên, theo tác giả, đến đời Lê Thế Tông (1573 - 1600) thì hai bộ Đồng văn và Nhã nhạc chỉ còn dùng trong lễ Tế giao và Triều hạ lớn. Vào những năm 1578 - 1599, hai bộ này sử dụng các nhạc cụ:

- 1) Một trống ngưỡng thiên;
- 2) Một kèn trúc mạ vàng;
- 3) Long sênh, long phách;
- 4) Các đàn cầm 3, 4, 7, 9, 15 dây;
- 5) Ống sáo;
- 6) Trống mảnh một mặt;
- 7) Phách xâu tiên²².

Và các dịp khác, trong cung đều sử dụng dàn giáo phường, gồm các nhạc cụ:

- 1) Cái trường cùng;
- 2) Cái trúc địch (cái sáo);
- 3) Cái yêu cổ (trống com);
- 4) Cái địch quản (sáo đôi hoặc kèn chưa rõ);
- 5) Đới cầm (đàn đáy).

Khi hát, ả đào gõ phách hoặc sênh tiền và đệm bằng đàn điện cổ (trống mảnh một mặt). Ngoài ra còn có các nhạc cụ:

- 1) Cái trúc sinh;
- 2) Đàn cầm 7 hoặc 9 dây;
- 3) Đàn tranh 15 dây²³.

Như vậy, sau hơn 100 năm (1437 - 1578), Tục nhạc bị cấm, nay lại được dùng trong cung đình. Đồng thời, vai trò nghi lễ chính thống của Nhã nhạc bị suy yếu.

Phạm Đình Hồ còn cho biết, thời Lê sơ (thế kỷ XV), triều đình còn có đội quân nhạc, gọi là Bả lệnh, biên chế vào thời Trung hưng (thế kỷ XVI) gồm²⁴:

- 1) Phong yêu cổ (trống com thất eo);
- 2) Xuý quản (kèn dăm kếp bằng ống sậy);
- 3) Tiểu xuý quản (xuý quản nhỏ);
- 4) Trùng quyển xuý quản (kèn tổ sấu).

6. Triều đại nhà Nguyễn (1802 - 1945)

Trong những năm 1788 – 1801, đất nước Việt Nam được đặt dưới quyền của triều đình Tây Sơn. Song chúng tôi chưa tìm thấy bất cứ tư liệu nào về âm nhạc cung đình của triều đại này.

Dưới thời nhà Nguyễn, trong cung đình vẫn có hai bộ (gọi là Thự) Đồng văn và Nhã nhạc do viên quan “Đồng văn – Nhã nhạc thự chánh” phụ trách. Lại có cả chức quan “Giáo phường ty chánh”²⁵. Theo cách dùng từ của Phan Huy Chú thì ở sách này, từ *giáo phường* không mang ý nghĩa là Tục nhạc mà là tên gọi cơ quan phụ trách về âm nhạc của triều đình. Rất có thể, hai thự Đồng văn và Nhã nhạc là những bộ phận thuộc Ty Giáo phường. Trong khi mô tả trình tự của các nghi lễ, tác giả thường dùng cụm từ “Giáo phường ty” hoặc “hai thự giáo phường” bày nhạc ở sân điện; hoặc “hai thự Đồng văn và Nhã nhạc đặt Đại nhạc ở phía Đông sân rồng”²⁶.

Căn cứ vào bộ sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*²⁷ và công trình của GS.TS Trần Văn Khê thì âm nhạc cung đình triều Nguyễn gồm các dàn nhạc và nhóm nhạc sau:

• *Dàn Nhã nhạc* gồm có:

- 1) Một trống mảnh;
- 2) Một đàn tỳ bà;
- 3) Một đàn nguyệt;
- 4) Một đàn nhị;

- 5) Một ống địch (rất có thể là ống sáo);
- 6) Một tam âm (bộ ba chiếc thanh la nhỏ)
- 7) Một sênh tiền.

• *Dàn Nhạc huyền*

Mặc dầu dàn nhạc bao gồm nhiều nhạc cụ được treo lên để đánh, nhưng cũng lại có cả những nhạc cụ không được treo lên:

- 1) Một kiến cổ (một loại trống);
- 2) Một bác chung (chuông lớn);
- 3) Một đặc khánh (khánh đá lớn);
- 4) Một biên chung (gồm 12 chuông nhỏ);
- 5) Một biên khánh (gồm 12 khánh đá nhỏ);
- 6) Một bác phụ (nhạc cụ bằng da, đánh bằng tay);
- 7) Một cái chúc (chiếc thùng gỗ vuông thót đáy);
- 8) Một cái trống;
- 9) Hai đàn cầm (loại 7 dây);
- 10) Hai đàn sắt (25 dây);
- 11) Hai bài tiêu (cái tiêu);
- 12) Một cái tiêu (sáo dọc);
- 13) Hai ốc đình (tù và bằng ốc biển);
- 14) Hai cái khèn (sinh);
- 15) Hai huân (sáo đất nung hình quả trứng gà);
- 16) Hai trì (sáo ngang);
- 17) Hai phách bản.

• *Dàn Đại nhạc* gồm có:

- 1) Hai mươi cái trống;
- 2) Tám cái minh ca (kèn ống sậy);
- 3) Bốn cái câu giốc;
- 4) Bốn cái tiêu la (thanh la nhỏ);
- 5) Bốn sa la (thanh la lớn);
- 6) Hai hải loa (tù và ốc biển).

- *Dàn Ti trúc tế nhạc*: Sách *Khâm định* ghi rõ: “Đồ nhạc ở đàn Nam Giao phía Đông - Tây, cấp đệ nhị thì đặt đàn sáo và bộ nhạc nhỏ đều một bộ, dùng đội tiểu hầu nay đổi làm phường nhạc Thự Hoà thanh, một bộ tám người”²⁸.
- *Dàn Ti chung, Ti khánh, Ti cổ* là các nhóm nhạc sử dụng cùng một loại nhạc cụ như nhóm chuông, nhóm khánh, nhóm trống.
- *Bả lệnh* (quân nhạc) tham gia vào nhiều nghi lễ cung đình, nhưng không rõ biên chế²⁹.
- Ngoài ra, vào năm 1827, nhân dịp sinh nhật mẹ vua, "đoàn nhạc sinh đội khăn mũ màu xanh, mặc áo hoa, múa các đồ: trống, sênh tiền, đàn tranh, đàn nguyệt, đàn cầm, đàn tỳ bà, địch sáo, đàn ba dây, đàn hai dây”³⁰.

Trong công trình của mình, GS.TS Trần Văn Khê lại cho rằng đây là một trong những dàn nhạc cung đình. Ông dẫn ra các biên chế dàn nhạc sau³¹:

- 1) Tiêu cổ (trống cỡ nhỏ);
- 2) Đại cổ (trống lớn);
- 3) Phách;
- 4) Sênh tiền;
- 5) Tranh huyền (đàn thập lục);
- 6) Nguyệt cầm;
- 7) Tỳ bà;
- 8) Tam huyền (đàn tam);
- 9) Nhị huyền (đàn nhị);
- 10) Địch sáo (sáo ngang);
- 11) Quán (kèn dăm kép).

Ông dẫn tư liệu của một học giả người Pháp là Gaston Knosp về một dàn nhạc của vua An Nam:

- 1) Một nhạc cụ cung kéo;
- 2) Hai kèn dăm kép;
- 3) Năm cái sáo;
- 4) Một sênh tiền;
- 5) Một bộ tam âm la;
- 6) Một đôi phách bản;
- 7) Một trống.

Từ một bức ảnh công bố trong tạp chí của Hội *Những người bạn của Huế cổ xưa*³² năm 1919, GS Trần cho biết thêm biên chế một dàn nhạc nữa:

- 1) Một trống bộc;
- 2) Hai sáo;
- 3) Một sênh tiền;
- 4) Một bộ tam âm la;
- 5) Một phách;
- 6) Một đàn nhị;
- 7) Một đàn tam;
- 8) Một đàn nguyệt;
- 9) Một đàn tỳ bà.

Vào cuối thế kỷ XIX, Việt Nam rơi vào ách đô hộ của Pháp. Triều đình Huế tuy còn tồn tại nhưng chỉ là một công cụ bù nhìn của thực dân Pháp. Do đó, Nhã nhạc nói riêng và âm nhạc cung đình triều Nguyễn nói chung chỉ còn là công việc riêng của hoàng cung. Nó đã mất đi chức năng và tác động xã hội của mình.

Tuy nhiên, với tư cách là những tác phẩm âm nhạc và là một bộ phận của nền âm nhạc dân tộc, một số bài bản được sử dụng trong các sinh hoạt âm nhạc ngoài cung đình.

Mười bản Ngự được hội nhập vào biểu mục của âm nhạc thính phòng Huế. Theo các nghệ nhân và các bậc trí giả Huế, ban đầu loại hình âm nhạc này phổ biến chủ yếu trong giới hoàng thân quốc thích và được xem như là một trong những biểu hiện của nhân cách quý tộc của họ. Loại nhạc thính phòng Huế này bao gồm những bài ca và những bản nhạc không lời. Tuy nhiên, nó không có những dàn nhạc lớn với đầy đủ biên chế như các dàn nhạc cung đình. Phần nhiều chỉ là những hoà tấu của 3 - 4 nhạc cụ đánh đệm cho ca hoặc chơi những bản nhạc không lời. Trong biểu mục của âm nhạc thính phòng Huế còn bao gồm nhiều bài bản của âm nhạc cung đình và *Mười bản Ngự* cùng với nhiều bài dân ca, nhạc lễ nữa... Hơn nữa toàn bộ biểu mục của *Mười bản Ngự* tồn tại trong “môi trường” của âm nhạc thính phòng Huế dưới hai dạng là các bài ca và bản nhạc không lời.

Cho đến những năm giữa thế kỷ XX, âm nhạc thính phòng Huế đã được trình diễn trong giới trí thức, giới người giàu và đôi khi cho cả nhân dân thành Huế. Trong bối cảnh xã hội mới này, nhạc thính phòng Huế đã thu hút vào biểu mục của mình ngày càng nhiều thêm các bài dân ca và bản nhạc dân gian và trở thành một biểu tượng độc đáo của cố đô Huế. Sự hội nhập của *Mười bản Ngự* và một số bài bản âm nhạc cung đình vào biểu mục của nhạc thính phòng Huế là một

quá trình chuyển hoá được nhân dân và trí thức Huế thực hiện để bảo vệ và phát triển những giá trị văn hoá dân tộc.

Âm nhạc cung đình còn lan toả vào miền Nam Việt Nam và trở thành hạt nhân ban đầu, thành nguyên mẫu cho sự xuất hiện và phát triển mạnh mẽ của một loại hình ca nhạc mới của vùng này, được gọi là *Đờn ca Tài tử*. Nhân dân Nam Bộ vẫn coi ông Nguyễn Quang Đại (không rõ năm sinh, năm mất) là người có công khai sáng ra loại nhạc *Đờn ca Tài tử* này³³. Theo tài liệu đã dẫn, ông Nguyễn Quang Đại là một “quan nhạc” của triều đình nhà Nguyễn³⁴. Cuối thế kỷ XIX, vì ông tham gia phong trào chống thực dân Pháp nên phải chạy trốn vào Nam Bộ. Nhiều người cùng thời cho rằng ông có mặt ở Nam Bộ khoảng năm 1885³⁵. Tại Nam Bộ, ông đã tập hợp những người trẻ tuổi yêu âm nhạc và dạy họ vốn âm nhạc cung đình Huế. Cùng với những người học trò của mình, ông Nguyễn Quang Đại đã sáng tác thêm nhiều bài mới và *Đờn ca Tài tử* lan khắp các tỉnh Nam Bộ. Trước ông, nhạc cung đình Huế đã được biết đến ở Nam Bộ, do các thầy đàn Huế vào dạy hoặc do một số người Nam Bộ ra Huế học rồi về truyền dạy lại. Tuy nhiên, “nhạc cổ... lúc ấy còn nghèo nàn về bài bản cũng như về hơi điệu, vì rập khuôn theo những bài bản của Huế... Từ khi ông Nguyễn Quang Đại... vào đất Nam Bộ... thì nhạc cổ mới trở thành phong trào rộng khắp ở các tỉnh miền Đông, sau lan sang các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Phong trào này gọi là phong trào *Đờn ca Tài tử*³⁶.”

Sau hơn một thế kỷ phát triển, ngày nay *Đờn ca Tài tử* đã trở thành một dòng nhạc mạnh mẽ, mang những đặc trưng và phong cách riêng với một biểu mục bao gồm hàng trăm bài bản khác nhau. Trong biểu mục đó, những bài bản có nguồn gốc từ âm nhạc cung đình Huế vẫn được xem là những “bài tổ”, những bài bản có tính kinh điển nhất. Trên cơ sở vốn liếng của *Đờn ca Tài tử*, từ đầu thế kỷ XX, ở Nam Bộ đã xuất hiện và phát triển một loại hình ca kịch mới gọi là ca kịch *Cải lương*. Cố nhiên ngày nay, nhạc Tài tử và ca kịch Cải lương đã trở thành những loại hình âm nhạc có đặc trưng nghệ thuật riêng. Nhưng, như nhân dân Nam Bộ đã thừa nhận, những loại hình âm nhạc đó đều bắt nguồn từ âm nhạc cung đình Huế.

Từ năm 1945, khi chế độ quân chủ nhà Nguyễn chấm dứt thì Nhã nhạc nói riêng và âm nhạc cung đình nói chung dần rơi vào quên lãng. Tuy nhiên, một vài bộ phận của nó lại hoà nhập vào âm nhạc thính phòng Huế, vào *Đờn ca Tài tử* và *Cải lương Nam Bộ*. Vốn là sản phẩm của thể chế và đời sống cung đình, khi chế độ quân chủ sụp đổ, âm nhạc cung đình mất đi cơ sở xã hội mà từ đó và vì đó nó được sinh ra và phát triển. Nó có thể vĩnh viễn bị quên lãng hoặc chỉ còn là một hồi ức lịch sử. Nhưng nó cũng có thể trải qua một quá trình *giải cấu trúc* mà do đó, nó không còn là một thực thể toàn vẹn. Nhưng những thành tố của thực thể đã bị giải cấu trúc đó sẽ được nhân dân sử dụng như những nhân tố, những chất liệu tham gia vào quá trình *tái cấu trúc* hoặc *cấu trúc mới* trong những sáng tạo của xã hội đương đại.

Từ năm 1975 và nhất là từ 1995, Nhã nhạc cùng với các điệu múa cung đình được khôi phục bởi các nghệ sỹ chuyên nghiệp và trình diễn cho nhân dân trong

nước và ở nước ngoài. Ngoài ra, được sự giúp đỡ của Chính phủ cộng với sự hỗ trợ của các quỹ Nhật Bản, Toyota, Sumitomo, chúng ta đã mở được khoa Nhã nhạc trong Đại học Nghệ thuật (nay là Học viện Nghệ thuật Huế) thuộc Đại học Quốc gia Huế, đào tạo và truyền dạy vốn âm nhạc cung đình Huế, trong đó có Nhã nhạc.

Bất kể những biến đổi nói trên, ngày nay chúng ta vẫn còn sưu tầm được khá nhiều bài bản trong biểu mục của âm nhạc cung đình xưa. Theo nghệ nhân Trần Kích, một nhạc công trong dàn nhạc cung đình xưa, Nhã nhạc, tức âm nhạc nghi lễ của cung đình, bao gồm hai loại nhạc như sau:

- *Tiểu nhạc* bao gồm hai liên khúc:

- + Mười bản Ngự gồm các bài:

- 1) Phẩm tuyền;

- 2) Nguyên tiêu;

- 3) Hồ quảng;

- 4) Liên hoà;

- 5) Bình bản;

- 6) Tây mai;

- 7) Kim tiền;

- 8) Xuân phong;

- 9) Long hổ;

- 10) Tấu mã.

- + Năm bản Ngự gồm các bài:

- 1) Ngũ đối thượng;

- 2) Ngũ đối hạ;

- 3) Long đăng;

- 4) Long ngâm;

- 5) Tiểu khúc.

- *Đại nhạc* gồm các bài:

- 1) Tam luân cứu chuyên;

- 2) Đăng đàn đơn;

- 3) Đăng đàn kép;

- 4) Bông;

- 5) Mang;
- 6) Mã vĩ;
- 7) Du xuân;
- 8) Kèn chiến;
- 9) Kèn cung Nam.

Để kết luận, tôi muốn nhấn mạnh một lần nữa, rằng được sáng tạo để phục vụ các hoạt động và sinh hoạt trong cung đình, thông thường âm nhạc cung đình Huế sẽ bị quên lãng khi không còn chế độ quân chủ. Nhưng thực tế là nó đã trở thành ngọn nguồn cho sự ra đời và phát triển của dòng âm nhạc mới – âm nhạc của *Đàn ca Tài tử và Cải lương*; đồng thời nó cũng góp phần làm giàu về nhiều mặt cho âm nhạc thính phòng Huế.

Chính phủ Việt Nam rất chú trọng việc khôi phục, bảo vệ và truyền dạy vốn văn hoá cổ truyền, trong đó có âm nhạc cung đình Huế. Năm 1977, sau khi tái thống nhất đất nước, chúng tôi đã tập hợp các nghệ nhân và nhờ họ mà chúng tôi có được khá nhiều tư liệu về âm nhạc cung đình xưa.

Từ năm 1996, chúng tôi tiếp tục làm việc với các nghệ nhân nhằm sưu tầm thêm tư liệu và tiến hành nghiên cứu, trên cơ sở đó chúng tôi đã phục hồi được dàn nhạc và một số bài bản của Nhã nhạc. Đồng thời, chúng tôi cũng tổ chức thêm được ba lớp truyền dạy Nhã nhạc cho những người trẻ tuổi. Chúng tôi cũng làm hồ sơ ứng cử gửi UNESCO và Nhã nhạc cung đình Huế đã được UNESCO phong tặng danh hiệu “Kịch tác di sản truyền miệng và văn hoá phi vật thể của nhân loại”.

Giới thiệu thêm về Nhã nhạc

Trong âm nhạc cung đình của nhiều triều đại Việt Nam, Nhã nhạc luôn đóng vai trò nòng cốt. Trong ý nghĩa chung nhất, Nhã nhạc là loại nhạc quý phái và tao nhã của triều đình và giới quý tộc phong kiến nhằm phân biệt với tục nhạc của dân thường. Nó được coi là xuất hiện vào triều đại nhà Chu (1122 - 711 rr.CN) của Trung Hoa. Nhã nhạc được truyền sang Nhật năm 701 vào đời Đường và có tên tiếng Nhật là Gagaku. Nhã nhạc nhập vào Triều Tiên trong khoảng các năm 1114 - 1116 thông qua việc tiếp nhận một bộ nhạc cụ Nhã nhạc từ Trung Hoa thời nhà Tống. Nó được gọi là Aak dưới triều đại Koryo (938 - 1392) của Triều Tiên. Ở Việt Nam, Nhã nhạc xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1402 dưới thời nhà Hồ và trở thành thể loại âm nhạc chủ chốt trong cung đình từ 1437 dưới thời Lê sơ. Như vậy, xuất xứ từ Trung Hoa, Nhã nhạc đã lan truyền và có những tên khác nhau: *Yă Yueh* (Trung Hoa), *Gagaku* (Nhật Bản), *Aak* (Triều Tiên), *Nhã nhạc* (Việt Nam).

Chức năng chủ chốt của Nhã nhạc là âm nhạc tế lễ và nghi thức, phục vụ các hoạt động chính thức của nhà vua như *tế Nam Giao, tế Thái miếu, nhạc Đại triều, nhạc Thường triều, nhạc tiếp sứ giã nước ngoài...*

Cố nhiên, trong cung đình các triều đại Việt Nam, bên cạnh Nhã nhạc còn có những thể loại nhạc khác như Bả lệnh (quân nhạc), Nữ nhạc, Yến nhạc,...

Để thực hiện chức năng tế lễ và nghi thức của mình, Nhã nhạc đã được xây dựng theo những chuẩn mực nghiêm ngặt. Sau đây xin giới thiệu một vài chuẩn mực chính:

Có hai biên chế dàn nhạc được tổ chức để tấu các bài bản Nhã nhạc:

+ *Dàn nhạc chơi trên thêm cung điện* (Đường thượng chi nhạc) có biên chế lớn bao gồm nhạc cụ của cả bốn họ: dây, hơi, màng rung, tự thân vang với vai trò nhạc cụ thiêng của hai bộ Biên chung và Biên khánh.

+ *Dàn nhạc chơi dưới thêm cung điện* có biên chế nhỏ hơn bao gồm chủ yếu các nhạc cụ họ hơi, màng rung và tự thân vang.

Trong các lễ tiết và nghi thức của cung đình, *có hai loại múa* tuân thủ những quy định nghiêm ngặt:

+ Thời nhà Hồ (1402) đó là các điệu múa “Kinh – vĩ” và “Chinh đốn”.

+ Thời nhà Lê (1437) và thời nhà Nguyễn (1802) thì đó là điệu múa Văn và múa Võ.

Có hai loại nhạc khác nhau là *Tiểu nhạc* và *Đại nhạc*, trong đó, Đại nhạc bao gồm những bài mang tính chất trang trọng, còn Tiểu nhạc thì lại gồm các bài có sắc thái vui vẻ, trữ tình.

Tương đồng và dị biệt giữa Yă Yueh, Gagaku, Aak và Nhã nhạc: Tất cả bốn nước đều tuân thủ những nguyên tắc lý thuyết, triết học và ý nghĩa của Nhã nhạc, nhưng sắc thái âm nhạc thì lại thể hiện truyền thống âm nhạc riêng của mỗi nước.

Việc dân tộc hoá âm nhạc của Nhã nhạc diễn ra rất rõ ở Việt Nam. Thời nhà Hồ, các điệu múa thể hiện ý nghĩa triết học thông qua sự hoà hợp giữa những nhân tố tĩnh với đội hình “kinh – vĩ” và những nhân tố động với đội hình “chinh đốn”. Nguyên tắc cơ bản của Yă Yueh về biểu tượng Văn và Võ ở đây được thể hiện thông qua vai diễn của “con các quan văn và con các quan võ”.

Sử liệu còn cho biết: “Mùa xuân năm 1456, tháng Hai, vua dẫn các quan về Lam Kinh, tế ở Thái miếu. Nhà vua đã ra lệnh cho các quan võ diễn “Bình Ngô phá trận nhạc”, còn các quan văn thì diễn “Chư hầu lai triều”.

Sử dụng những kỹ năng âm nhạc thể hiện đặc trưng dân tộc:

+ Sử dụng chủ yếu hàng âm và “hơi Khách” trong phần lớn bài bản.

+ Sử dụng một “đơn vị nhịp điệu” như một “cấu kiện” để xây dựng các kết cấu âm nhạc. *Đơn vị này gồm bốn phách trong tốc độ vừa phải*. Nghệ nhân Huế gọi đây là “nhịp một”. “Đơn vị nhịp điệu bốn phách” này được tìm thấy trong âm

nhạc cung đình của một số nước châu Á. Tại Hội nghị lần thứ 5 của Hội Những nhà Âm nhạc dân tộc học châu Á - Thái Bình Dương, tổ chức tại Quezon, Phillippine vào những ngày 17/24, tháng Hai, năm 2001, “đơn vị nhịp điệu bốn phách” đã được phát hiện có mặt trong âm nhạc cung đình các nước Thái Lan, Indonesia, Hàn Quốc và Việt Nam và được các thành viên hội nghị đánh giá là đặc trưng chung cho âm nhạc cung đình của các nước nói trên.

Ngày nay, Nhã nhạc đã được khôi phục và trình diễn cho đông đảo nhân dân và phục vụ du lịch. Nó được giảng dạy trong Khoa Nhã nhạc của Học viện Nghệ thuật Huế. Nhã nhạc cũng được giới thiệu trong các cuộc liên hoan ca nhạc quốc tế và là một trong những tiết mục chủ công của các đoàn ca múa nhạc đi biểu diễn ở nước ngoài.

CHÚ THÍCH

- ¹ Tư liệu của nhà nghiên cứu Trần Việt Ngữ.
- ² Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Ngô Đức Thọ dịch và chú thích, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tập I, tr.236.
- ³ *Việt sử lược*, khuyết danh, Tư liệu Viện Âm nhạc, tập 1, tr.10.
- ⁴ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tập I, tr.9.
- ⁵ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sđd, tập I, tr.9.
- ⁶ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sđd, tập I, tr.9.
- ⁷ Tô Ngọc Thanh, *Musical instruments of Vietnam's ethnic minorities*, NXB Thế giới, Hà Nội, 1997, tr.77 - 78.
- ⁸ Trần Văn Khê, Tham luận tại Hội nghị lần thứ 4 Hội Những nhà nghiên cứu âm nhạc dân tộc học châu Á - Thái Bình Dương, Đài Loan, tháng 3/1998.
- ⁹ Trần Văn Khê, *La musique Vietnamiennne Traditionelle*, Presses Universitaire de France, Paris, 1962, p. 17 - 18.
- ¹⁰ Trần Văn Khê, Tham luận đã dẫn.
- ¹¹ Trần Văn Khê, *La musique Vietnamiennne Traditionelle*, sđd, tr.19 - 21.
- ¹² Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Hoàng Văn Lâu dịch và chú thích, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tập II, tr.14.
- ¹³ Lê Tắc, *An Nam chí lược*, dẫn theo Trần Văn Khê, *La musique Vietnamiennne Traditionelle*, sđd, tr.19 - 21.
- ¹⁴ Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục*, Phạm Trọng Điềm dịch và chú thích, NXB Sử học, Hà Nội, 1962, tr.203 - 204.
- ¹⁵ Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tập II, tr.203.
- ¹⁶ Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tập II, tr.335 - 336.
- ¹⁷ Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tập II, tr.335 - 336.
- ¹⁸ Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tập II, tr.343.
- ¹⁹ Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tập II, tr.338.

- ²⁰ Trần Văn Khê, *La musique Vietnamiennne Traditionelle*, sđd, tr.29 - 31.
- ²¹ Phạm Đình Hồ, *Vũ trung tùy bút*, Đông châu Nguyễn Hữu Tiến dịch, TP. HCM, 1989, tr.42 - 43.
- ²² Phạm Đình Hồ, *Vũ trung tùy bút*, sđd, tr.43.
- ²³ Phạm Đình Hồ, *Vũ trung tùy bút*, sđd, tr.47.
- ²⁴ Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tập II, tr.339.
- ²⁵ Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, (nhóm phiên dịch Viện Sử học Việt Nam dịch), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992, tập II, tr.17.
- ²⁶ Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, sđd, tập II, tr.102, 106, 108, 111, 116, 118.
- ²⁷ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Trần Huy Hân và Nguyễn Thế Đạt dịch, NXB Thuận Hoá, 1993, Huế, tập VII, tr.113 - 116.
- ²⁸ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sđd, tập VII, tr.115.
- ²⁹ Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, sđd, tập II, tr.52.
- ³⁰ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sđd, tập VII, tr.95.
- ³¹ Trần Văn Khê, *La musique Vietnamiennne Traditionelle*, sđd.
- ³² Hoàng Yến, *La Musique à Huế*, Bulletin des Amis du Vieux Hue, Jull-Septembre, 1919, PL.IX. p.30.
- ³³ *Sơ lược tiểu sử nghệ nhân Nguyễn Quang Đại*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học về Nghệ nhân tiên phong Nhạc lễ và Nhạc Tài tử Nguyễn Quang Đại, Sở Văn hoá – Thông tin tỉnh Long An, tháng 3/1996, tr.28.
- ³⁴ Không rõ cấp, hàm và chức trách cụ thể.
- ³⁵ *Sơ lược tiểu sử nghệ nhân Nguyễn Quang Đại*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học về Nghệ nhân tiên phong Nhạc lễ và Nhạc Tài tử Nguyễn Quang Đại, sđd, tr.57.
- ³⁶ *Sơ lược tiểu sử nghệ nhân Nguyễn Quang Đại*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học về Nghệ nhân tiên phong Nhạc lễ và Nhạc Tài tử Nguyễn Quang Đại, sđd, tr.57.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Kim Ong Bong, *Lưu truyền và biến đổi của Tiểu nhạc qua các bản ghi trong thế kỷ XX* (tiếng Anh), Tham luận tại Hội nghị quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất.
- [2] Le Brís, *Musique Annamite - Airs traditionnelles* (Âm nhạc An Nam – những hơi truyền thống – tiếng Pháp), tập san *Hội những người bạn Huế cổ xưa*, số tháng 10 - 12/1926, Huế.
- [3] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.
- [4] Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục*, NXB Sử học, Hà Nội, 1968.
- [5] Phạm Đình Hồ, *Vũ trung tuỳ bút*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1989.
- [6] Knosp (G), *La Musique Indochinoise* (Âm nhạc Đông Dương – tiếng Pháp), tập san Pháp của Hội đồng Âm nhạc quốc tế, năm thứ ba, số 9, 15/9/1007.
- [7] Trần Văn Khê, *Court music – the Case of Vietnam* (Âm nhạc cung đình – Trường hợp của Việt Nam – tiếng Anh), Tham luận tại Hội nghị lần thứ tư của Hội Những nhà âm nhạc dân tộc học châu Á – Thái Bình Dương, Đài Loan, tháng 03/1998.
- [8] Trần Văn Khê, *La Musique Vietnamienne Traditionnelle* (Âm nhạc truyền thống Việt Nam – tiếng Pháp), Paris, 1962.
- [9] Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, bốn tập, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
- [10] Lê Tắc, *An Nam chí lược*, Tư liệu thư viện Viện Âm nhạc, bản in rô-nê-ô.
- [11] Tô Ngọc Thanh, *Musical instruments of Vietnam's ethnic minorities*. (Nhạc cụ của các dân tộc thiểu số Việt Nam – tiếng Anh), NXB Thế giới, Hà Nội, 1997.
- [12] Tô Ngọc Thanh, *Nhã nhạc – A kind of Court Music in Vietnam* (Nhã nhạc – một loại hình âm nhạc cung đình ở Việt Nam – tiếng Anh), Tham luận tại Hội nghị lần thứ tư của Hội Những nhà Âm nhạc Dân tộc học châu Á – Thái Bình Dương, Đài Loan, tháng 3/1998.
- [13] Hoàng Yến, *La musique à Hue* (Âm nhạc Huế, tiếng Pháp), tập san *Hội những người bạn Huế cổ xưa*, số tháng 7 - 9/1919, Huế.
- [14] *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, 15 tập, NXB Thuận Hoá, Huế, 1993.
- [15] *Sơ lược tiểu sử nghệ nhân Nguyễn Quang Đại*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Sở Văn hoá – Thông tin tỉnh Long An.
- [16] Thư viện Viện Âm nhạc, *Người xưa viết về âm nhạc*, bản in rô-nê-ô.